

SỞ Y TẾ THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TRUNG TÂM Y TẾ Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
QUẬN THANH KHÊ
Thanh Khê, ngày tháng năm 2024

YÊU CẦU BÁO GIÁ
(Gói Mua sắm Trang thiết bị y tế từ nguồn
ngân sách thành phố năm 2024)

Kính gửi: Các hãng sản xuất, nhà cung cấp tại Việt Nam.

Hiện nay, Trung tâm Y tế quận Thanh Khê đang có nhu cầu tiếp nhận báo giá để tham khảo, làm cơ sở mua sắm cho gói mua sắm trang thiết bị y tế từ nguồn ngân sách thành phố năm 2024 với nội dung cụ thể như sau:

I. Thông tin của đơn vị yêu cầu báo giá

1. Đơn vị yêu cầu báo giá: Trung tâm Y tế quận Thanh Khê, địa chỉ: Số 62/32 Hà Huy Tập, Thanh Khê Đông, Thanh Khê, Đà Nẵng.

2. Thông tin liên hệ của người chịu trách nhiệm tiếp nhận báo giá:

Họ và tên: Lê Thúy Triều Chức vụ: Phó trưởng khoa Dược-TTB-VTYT

Số điện thoại liên lạc: 0986293394 Email: sonngam81@gmail.com

3. Cách thức nhận báo giá:

Đơn vị nhận báo giá trực tiếp tại khoa Dược-TTB-VTYT trực thuộc Trung tâm Y tế quận Thanh Khê, địa chỉ K62/32 Hà Huy Tập, phường Thanh Khê Đông, quận Thanh Khê, thành phố Đà Nẵng.

4. Thời điểm tiếp nhận báo giá: Từ 15h ngày 29/03/2024 đến trước 14h ngày 22/04/2024. (Các đơn vị ở xa sẽ căn cứ vào thời gian gửi trên dấu bưu điện)

Các báo giá gửi sau thời điểm trên sẽ không được xem xét.

5. Thời hạn có hiệu lực của báo giá: Tối thiểu 90 ngày kể từ ngày kết thúc nhận báo giá.

II. Nội dung yêu cầu báo giá

1. Danh mục trang thiết bị y tế cần báo giá:

(Phụ lục 1 đính kèm)

2. Địa điểm cung cấp, lắp đặt; các yêu cầu về vận chuyển, cung cấp, lắp đặt, bảo quản thiết bị y tế: Khoa HSCC, khoa Ngoại-sản, Trung tâm y tế quận Thanh Khê Đà Nẵng.



- Hàng hóa được giao mới 100%, chưa qua sử dụng, được bảo quản, vận chuyển đảm bảo chất lượng theo tiêu chuẩn của nhà sản xuất.

3. Thời gian giao hàng dự kiến: 90 ngày kể từ ngày ký hợp đồng

4. Dự kiến về các điều khoản tạm ứng, thanh toán hợp đồng: Ghi rõ tỷ lệ tạm ứng, thanh toán hợp đồng và các điều kiện tạm ứng, thanh toán:

Tạm ứng: không đồng

Phương thức thanh toán:

- Bên A thanh toán cho Bên B 100% giá trị khối lượng thực hiện theo từng đơn hàng trong vòng 90 ngày kể từ khi Bên A nhận được hóa đơn tài chính và các chứng từ hợp lệ khác theo quy định.

- Hình thức thanh toán: Chuyển khoản.

- Đồng tiền thanh toán theo hợp đồng: Đồng Việt Nam (VND)

5. Thông tin khác:

- Hồ sơ chào giá phải được bỏ vào phong bì, niêm phong kín để bảo mật và tạo sự khách quan trong việc mời chào giá; bên ngoài phong bì phải ghi rõ nội dung là **CHÀO GIÁ GÓI** ... để tiện theo dõi.

Hồ sơ gồm:

- Bảng chào giá (Theo mẫu phụ lục 2 đính kèm).

- Hồ sơ chứng minh công ty có chức năng trong việc chào giá tương ứng (Giấy phép kinh doanh của đơn vị, hồ sơ công bố đủ điều kiện mua bán trang thiết bị y tế)

- Các hãng sản xuất, nhà cung cấp phải đính kèm tài liệu chứng minh về tính năng, thông số kỹ thuật và các tài liệu liên quan của thiết bị y tế báo giá (Bản giấy hoặc file mềm gửi trực tiếp về địa chỉ của bệnh viện hoặc email quy định tại khoản 3 Mục I - Yêu cầu báo giá).

- Trường hợp bản giấy chậm trễ trong quá trình vận chuyển gửi về địa chỉ nhận trực tiếp của bệnh viện quy định tại khoản 3 Mục I - Yêu cầu báo giá. Các hãng sản xuất, nhà cung cấp phải có file mềm và bản scan của Hồ sơ báo giá theo quy định tại điểm a, b khoản 5 mục này gửi về địa chỉ email của người chịu trách nhiệm tiếp nhận báo giá trước ngày kết thúc thời hạn nhận báo giá quy định tại khoản 4 Mục I - Yêu cầu báo giá.

Lưu ý: Giá chào đã bao gồm đầy đủ các loại thuế, phí và lệ phí (nếu có).

Rất mong nhận được sự hợp tác của quý đơn vị.

Trân trọng cảm ơn./m

Nơi nhận:

- Như trên;
- Ban Giám đốc (để biết);
- CNTT đăng Website của đơn vị;
- Lưu: VT, TCKT, Dược-TTB-VTTYT.



GIÁM ĐỐC

Võ Duy Trinh





Phụ lục 1

Danh mục trang thiết bị y tế báo giá

STT	Danh mục hóa chất, vật tư y tế	Mô tả hàng hóa	Đơn vị tính	Số lượng
1	Máy phá rung tim	*Cấu hình: - Máy chính kèm máy in nhiệt trong máy: 01 bộ; - Dây nối điện tim ECG: 01 chiếc; - Giấy in: 01 tệp; - Dung dịch làm sạch da: 01 tuýp - Dây nối điện cực tạo nhịp ngoài cơ thể: 01 bộ; - Điện cực tạo nhịp ngoài cơ thể: 01 bộ; - Ấc quy: 01 bộ; - Tài liệu hướng dẫn sử dụng tiếng Anh, tiếng Việt: 01 bộ; - Tài liệu hướng dẫn bảo dưỡng, sửa chữa: 01 bộ *Thông số kỹ thuật: Máy chính: - Loại sóc: Bảng tay, đồng bộ và tự động sóc ngoài (AED) - Năng lượng tối đa: $\geq 270J$ - Độ chính xác năng lượng: $\pm \leq 1J$ (tại 2J); $\pm \leq 2J$ (tại 5J); $\pm \leq 10\%$ (tại các mức $\geq 50J$) - Dạng sóng ra: hai pha, năng lượng không thay đổi - Thời gian nạp: ≤ 10 giây đạt năng lượng tối đa - Năng lượng nạp: + Hiện thị giá trị năng lượng nạp trên màn hình + Chức năng xả năng lượng đồng bộ + Thời gian xả: 60ms từ đỉnh sóng R Màn hình - Loại LCD hoặc tương đương, kích thước ≥ 6 inch - Số vết: tối đa ≥ 3 vết - Tốc độ quét ECG ít nhất ở tốc độ 25 mm/giây Hiện thị tham số: nhịp tim Điện tim ECG: -Đạo trình điện tim: I, II, III-Hiện thị độ nhảy tối thiểu: 10mm/mV-Độ nhảy tối thiểu: x1/4, x1/2, x1, x2, x4-Thời gian phục hồi: ≤ 5 giây-CMRR: ≥ 100 dB Tạo nhịp:-Độ rộng xung: 40 ms +/- 10%-Tần số tạo nhịp: từ ≤ 30 đến ≥ 180 nhịp/phút -Cường độ tạo nhịp: từ ≤ 20 đến ≥ 200 mA-Chế độ tạo nhịp: yêu cầu và cố định Máy in:-Có ít nhất các tốc độ in: 25 và 50 mm/giây-Độ nhảy tối thiểu: 10mm/mV Nguồn điện: AC và DC (Ắc quy trong máy) -Ắc quy sạc trong máy với thời gian sạc ≤ 3 giờ -Số lần sóc tối thiểu khi nạp đầy: ≥ 50	Cái	1

	2 Máy thở (xách tay)	*Cấu hình: -Máy chính : 01 cái -Bộ dây thở người lớn dùng nhiều lần: 01 bộ -Dây dẫn ô xy: 01 cái -Phổi giả 1L: 01 bộ -Mặt nạ thở người lớn dùng nhiều lần: 01 bộ -Pin ngoài dự phòng 5 tiếng (Option): 01 bộ -Cáp nối với nguồn điện dùng trong xe cứu thương (option): 01 cái -Túi đựng máy đo khí vận chuyên: 01 bộ *Thông số kỹ thuật: 1.Đặc tính khí nén: -Áp lực ô xy đầu vào: 2.8 đến 5.5 bar -Sử dụng được với nguồn ô xy áp lực thấp: dưới 80 lít/phút, 10 PSIG 2.Các thông số điều khiển -Các chế độ thở máy: Kiểm soát, hỗ trợ/kiểm soát, SIMV, CPAP, NPPV -Các kiểu thở: Điều khiển thể tích, Điều khiển áp lực, Thở tự nhiên -Nhịp thở: 0 đến 80 nhịp/phút -Thể tích khí lưu thông: 50 đến 2000 mL -Thời gian thở vào: 0.3 đến ≥ 9.9 giây (100 lít/phút) -Lưu lượng dòng trong chế độ thở PC/PS/thở tự nhiên: 160 lít/phút -Điều khiển áp lực: 1 đến 99 cmH2O -Hỗ trợ áp lực: 1 đến 60 cmH2O -Độ nhạy: 1 đến 9 lít/phút -FiO2: 21 đến 100% -PEEP/CPAP: 0 đến 20 cmH2O -Nhịp thở bằng tay: 1 nhịp với cài đặt hiện tại -Cung cấp O2 nguyên chất: trong thời gian từ 1 đến 3 phút 3.Cài đặt cảnh báo: -Thời gian ngừng thở: 10 đến 60 giây-Giới hạn áp lực cao: 5 đến 100 cmH2O-Áp lực đỉnh thấp: tắt, 1 đến 60 cmH2O- Thể tích khí thấp:tắt, 0.1 đến 9 lít-Âm lượng báo động: 60 đến 80 dBA-PEEP cao: tắt, 3 đến 20 cmH2O trên mức đặt PEEP -PEEP thấp: tắt, -3 đến -20 cmH2O dưới mức đặt PEEP -Nhịp thở cao: tắt, 5 đến 80 nhịp/phút 4.Các báo động cố định:-Phát hiện ngắt mạch thở -Mất nguồn điện lưới hoặc điện áp lưới thấp -Cạn ắc quy hoặc điện áp ắc quy thấp -Áp lực ô xy vào cao/thấp 5.Các chỉ số đo và hiển thị: -Áp lực đỉnh thì thở vào:0 đến 120 cmH2O-Áp lực trung bình đường khí: 0 đến 99 cmH2O -PEEP: 0 đến 99 cmH2O -Nhịp thở: 0 đến 250 nhịp/phút-Hiện thị áp lực đường khí:-10 đến 108 cmH2O-Thể tích thở ra: 0 đến 4000 mL-Thể tích khí phút thở ra: 0 đến 99.9 lít-Tỷ lệ I:E: 99:1 đến 1:99-Dòng đỉnh:10 đến 100 lít/phút-AutoPEEP: 0 đến 100 cmH2O-Độ giãn nở tĩnh: 1 đến 999 mL/cmH2O -Chỉ thị điện cho nguồn ngoài, tình trạng sạc và mức ắc quy	Cái 1
--	------------------------------------	---	---------------------

	Dao mổ điện cao tần	Yêu cầu chung: -Nguyên lý hoạt động: Sử dụng dòng điện xoay chiều tần số cao 330kHz/ 1MHz tác động nhiệt lên mô để tạo hiệu ứng phẫu thuật cắt và cầm máu -Công nghệ: Sử dụng công nghệ vi xử lý 32 bit tốc độ cao -Chức năng kiểm soát tia lửa tự động. -Chức năng cầm biến trở kháng mô ≥ 5.300 lần/giây và điều chỉnh công suất phát tự động thích ứng cho các loại mô -Chức năng giám sát tẩm điện cực trung tính liên tục ≥ 1.600 lần/giây. -Chức năng hỗ trợ tự động công suất cắt ban đầu $\geq 420W$ đáp ứng tất cả loại hình mô. -Chức năng điều chỉnh chỉ số hiệu ứng cầm máu trực tiếp ≥ 10 mức. -Tích hợp hệ thống kiểm soát an toàn điện liên tục ISSYS -Tự động kiểm tra an toàn hệ thống self-test toàn hệ thống Cấu hình: 1.Bàn đạp chân đôi kích hoạt đơn cực và lưỡng cực, có chức năng thiết lập gán tính năng: 01 Cái; 2.Bộ phần mềm phẫu thuật tổng quát, nội soi, thần kinh, xương khớp tích hợp (tiêu chuẩn): 01 bộ; 3.Tay dao đơn cực dùng 1 lần; 20 cái; 4.Kẹp lưỡng cực chống dính dùng nhiều lần, hấp 134 °C : 01 cái; 5.Dây nối kẹp lưỡng cực dùng nhiều lần, hấp 134 °C : 01 cái; 6.Tấm điện cực trung tính dùng một lần có chức năng theo dõi: 20 cái; 7.Dây nối tám điện cực trung tính dùng nhiều lần, hấp 134 °C: 01 cái; 8.Tài liệu hướng dẫn sử dụng tiếng Anh/ Việt : 01 bộ Yêu cầu về kỹ thuật: Thông số kỹ thuật tổng quát: - Công suất cắt đơn cực ban đầu cực đại : $\geq 420W$. - Công suất đơn cực cực đại : $\geq 300W$. - Công suất lưỡng cực cực đại : $\geq 120W$. - Dải tần số hoạt động: ≤ 330 kHz - $\geq 1MHz$. - Chu kỳ vận hành: 10 s / 30 s (on/off). - Mức tiêu thụ điện năng tối đa: ≤ 930 VA. - Mức tiêu thụ điện năng tối đa chờ: $\leq 65VA$. Các chế độ cắt đơn cực: - Cắt thuận (Monopolar Cut): + Công suất cài đặt (W): 1 - ≥ 300; - Cắt vi phẫu (Micro Cut):+ Công suất cài đặt (W): 1 - ≥ 30; - Cắt mô lớn (Macro Cut):+ Công suất cài đặt (W): 1 - ≥ 75 Các chế độ cầm máu đơn cực tiếp xúc mô vi phẫu (Moderate Coag mode): - Cầm máu tiếp xúc thuận (Standard):+ Công suất cài đặt (W): 1 - ≥ 120; - Cầm máu tiếp xúc vi phẫu (Micro moderate coag):+ Công suất cài đặt (W): 1 - ≥ 30 Các chế độ cầm máu tiếp xúc đơn cực (Forced Coagulation):- Cầm máu kèm hiệu ứng cắt mạnh (Cutting mode):+ Công suất cài đặt (W): 1 - ≥ 120; - Cầm máu tiếp xúc vi phẫu (Micro Cutting mode):+ Công suất cài đặt (W): 1 - ≥ 30; mode):+ Công suất cài đặt (W): 1 - ≥ 120; - Cầm máu mô mỏng kèm chuyển cắt(Micro Cutting mode):+ Công suất cài đặt (W): 1 - ≥ 30; - Cầm máu mô mỏng, vừa cắt vừa cầm máu(Micro Cutting mode):+ Công suất cài đặt (W): 1 - ≥ 30; - Cầm máu mô mỏng, không kèm cắt(Micro None Cutting mode):+ Công suất cài đặt (W): 1 - ≥ 30; Các chế độ cầm máu đánh lửa đơn cực (Spray Coagulation):- Cầm máu đánh lửa (Spray Coag):+ Công suất cài đặt (W): 1 - ≥ 120; - Cầm máu đánh lửa mô mỏng (Micro Spray Coag):+ Công suất cài đặt (W): 1 - ≥ 30 Các chế độ cầm máu lưỡng cực (Bipolar Contact Coagulation):- Cầm máu lưỡng cực (Standard Coag)+ Công suất cài đặt (W): 1 - ≥ 120; + Điện áp đỉnh (Vp): ≥ 175;+ Tần số hoạt động (KHz): ≥ 330;+ Hệ số cầm máu: $\geq 2,5$; - Cầm máu lưỡng cực mô mỏng, vi phẫu (Micro Coag)+ Công suất cài đặt (W): 1 - ≥ 50; + Điện áp đỉnh (Vp): ≥ 140 + Tần số hoạt động (KHz): ≥ 330+ Hệ số cầm máu: $\geq 2,5$ Hệ thống kiểm soát điện tích tích tiếp xúc tẩm điện cực trung tính: + Dây trở kháng theo dõi điện cực trung tính: 0 - 300 Ω; + Âm lượng giao tiếp - cảnh báo: + Monopolar Cut: ≥ 500 Hz (dạng liên tục); + Bipolar Coag: ≥ 340 Hz (dạng ngắt quãng). liên tục). + SIM Coag: ≥ 800 Hz (dạng liên tục); + Bảo động: ≥ 1000 Hz (dạng ngắt quãng).	I
--	------------------------------------	--	----------

4	Bộ đèn đặt nội khí quản (có camera)	Cấu hình cung cấp Màn hình: 01 cái; Adapter camera người lớn: 01 cái; Lưỡi không rãnh số 3: 02 cái; Lưỡi có rãnh số 3: 04 cái; Lưỡi không rãnh số 1: 02 cái; Lưỡi có rãnh số 2: 02 cái; Lưỡi không rãnh số 2: 02 cái; Bộ pin sạc dùng nhiều lần: 01 bộ; Pin sạc nhiều lần: 06 chiếc; Tài liệu hướng dẫn sử dụng: 01 bộ Thông số kỹ thuật: Màn hình chống chói TFT LCD, kích thước: ≥ 2.4 inch Góc quan sát: ≥ 160o Tỷ lệ màn hình: 4:3 Công kết nối video: cáp kết nối RCA Tần số quét: ≥ 30 khung hình/ giây Độ phân giải: 320x240 QVGA hoặc tương đương Chíp xử lý camera: CMOS Độ phân giải camera: ≥ 640x480 VGA Hệ thống quản lý và khuếch đại: Điều chỉnh độ sáng và khuếch đại tự động Nguồn sáng: đèn LED trắng Chất liệu: Polycarbonate/ ABS Chiều cao của lưỡi: 13mm không rãnh, 18 mm có rãnh Độ dài của lưỡi: 17 cm Độ rộng của lưỡi: 26 mm Chất liệu của lưỡi: Polycarbonate/TPE - Đèn cảnh báo chất lượng pin: xanh, đỏ Phủ lớp kháng sương anti-fog Màn hình tự tắt khi camera không nhận được tín hiệu và không di chuyển trong vòng 60 giây	Bộ	1
5	Bộ dụng cụ phẫu thuật đại phẫu kết hợp xương	Yêu cầu chung: -Chất liệu : thép không rỉ, chống lửa.- Dung sai cho phép 3mm Yêu cầu về cấu hình và kỹ thuật: 1. Cán dao mổ, số 4, dài 135mm: 1 cái; 2. Cán dao mổ, số 4L, dài 215mm: 1 cái; 3. Khay đựng hình quả thận, dài 275mm: 1 cái; 4.Kẹp gấp bóng bằng Foerster-Ballenger, thẳng, dài 245mm: 1 cái; 5.Kẹp sáng Backhaus, dài 135mm: 8 cái; 6.Kéo phẫu tích Reynolds-Jameson, mảnh, cong, mũi tù/tù, cán lớn, dài 140mm: 1 cái; 7.Kéo phẫu tích Reynolds, mảnh, cong, mũi tù/tù, dài 145mm: 1 cái; 8.Kéo phẫu thuật Mayo Supercut, cong, lưỡi gợn sóng, mũi tù/tù, dài 165mm: 1 cái; 9.Nhíp mô, thẳng, cỡ trung bình, ngàm có răng (1x2), dài 160mm: 1 cái; 10.Kẹp không chấn thương De Bakey Atraumata, thẳng, ngàm có răng De Bakey, dài 350mm, ngàm rộng 3,50mm: 1 cái; 11.Kẹp gấp Atraumata, thẳng, ngàm hình oval, răng De Bakey, dài 250mm, ngàm rộng 21mm: 1 cái; 12.Kẹp mạch máu Halsted, mảnh, cong, đầu tù, dài 185mm: 5 cái; 13.Kẹp mạch máu Moynihan, cong, dài 230mm: 5 cái; 14.Kẹp ống mật Desjardins, cong nhiều, dài 220mm: 1 cái; 15.Kẹp ống mật Gray, cong, hình chữ S, dài 220mm: 1 cái; 16.Kẹp mang kim Baumgartner Durogrip TC, thẳng, bước răng 0,50mm, dùng cho chỉ đến 3/0, dài 145mm: 1 cái; 17.Kẹp mang kim Halsey Durogrip TC, thẳng, ngàm tròn, dùng cho chỉ 9/0-11/0, dài 120mm: 1 cái; 18.Kẹp xoắn chỉ thép Durogrip TC, thẳng, ngàm có khóa 0.50mm, khớp hộp, có khóa cài, dài 150mm: 1 cái; 19.Cây luồn chỉ Deschamps,	Bộ	1

	cho người thuận tay phải, cong trái, đầu tù, dài 240mm: 1 cái; 20.Banh vết thương và khí quản, cong nhiều, 4 răng, tù, dài 165mm, kích thước ngàm 6,8 x 14mm: 1 cái 21.Banh tổ chức Ollier, 4 răng tù, dài 230mm, kích thước ngàm 35 x 55mm: 1 cái; 22.Banh tự giữ Wullstein, gấp góc, 3x3 răng nhọn, dài 125mm: 1 cái; 23.Banh tự giữ Harvey-Jackson, có khớp, 3 x 3 răng, nhọn, có khóa cài, dài 300mm: 1 cái; 24.Dụng cụ nẹp xương, cong, dài 160mm, rộng 2mm/8mm: 1 cái; 25.Dụng cụ nẹp xương Verbrugge-Mueller, cong, dài 240mm, rộng 44mm: 1 cái; 26.Dụng cụ róc xương Farabeuf-Collin, thẳng, đầu nhọn, dài 160mm, đầu rộng 11mm: 1 cái; 27.Dụng cụ róc xương Lambotte, cong, đầu nhọn, dài 215mm, đầu rộng 5mm: 1 cái; 28.Thìa nạo xương, hai đầu, dài 200mm: 1 cái; 29.Thìa nạo xương, ngang 3,6 mm, dài 240 mm: 1 cái; 30.Thìa nạo xương Schede, số 000, dài 170mm, đầu rộng 2,50mm: 1 cái 31.Búa tay cầm kim loại đầu nặng 330g có đĩa thay thế: 1 cái; 32.Đục xương, lưỡi vát 2 bên, dài 140mm, lưỡi rộng 12mm: 1 cái; 33.Đục xương Partsch, lưỡi vát 1 bên, dài 140mm, lưỡi rộng 6mm: 1 cái; 34.Đục lòng máng Partsch, dài 170mm, lưỡi rộng 7mm: 1 cái; 35.Đục xương Lambotte, lưỡi vát 2 bên, dài 125mm, lưỡi rộng 15mm: 1 cái; 36.Kẹp giữ xương, thẳng, dài 200mm, ngàm rộng 5mm: 1 cái 37.Kẹp giữ xương, cong về bên, khớp vít linh động, có khóa vít, dài 190mm, ngàm rộng 2,50mm và 7mm: 1 cái 38.Kìm cắt màng hoạt dịch Stellbrink, cong, dài 170mm: 1 cái; 39.Kìm gặm xương Luer, cong, dài 150mm: 1 cái 40.Kìm gặm xương dạng mạnh, ngàm cong, dài 180 mm: 1 cái; 41.Kìm cắt xương Stamm, gấp góc, dài 150mm: 1 cái 42.Kìm cắt xương, thẳng, hoạt động đôi, dài 170mm: 1 cái; 43.Kẹp sụnWeller, cong, dài 200mm: 1 cái; 44.Kẹp sụn Martin, thẳng, dài 205mm: 1 cái; 45.Dụng cụ dẫn chỉ thép, cong, dài 225mm: 1 cái; 46.Kéo phẫu tích gân Stevens, cong, mũi tù/tu, dài 125mm: 1 cái; 47.Kẹp gấp Herz, cong, khớp hộp, có khóa cài, dài 155mm, đường kính ngàm 3mm: 1 cái; 48.Dụng cụ vận vít có cán hartpress cho ốc vít đường kính 2,5-4,0mm: 1 cái; 49.Kìm gấp chỉ thép, có ngàm bên, cán vàng, dài 170mm: 1 cái 50.Kìm cắt chỉ thép TC, ngàm có cạnh rất sắc, cán vàng, dài 235mm, đường kính chỉ thép tối đa 2,2mm (chỉ mềm), 3,0mm (chỉ cứng): 1 cái 51.Kìm cắt chỉ thép, dài 470mm, dùng để cắt chỉ/vit/bu lông đường kính tối đa 5mm: 1 cái 52.Khay lưới bảo quản dụng cụ phẫu thuật, loại chuẩn 1/1, có chân, kích thước 540 x 253 x 56 mm: 2 cái 53.Nắp trong hộp đựng và bảo quản dụng cụ phẫu thuật, đồng có điện, loại chuẩn 1/1, màu bạc, kích thước ngoài 582 x 291 x 36mm: 1 cái 54.Đáy hộp đựng và bảo quản dụng cụ phẫu thuật, không có lỗ thoát khí, loại chuẩn, cỡ 1/1, kích thước ngoài 592 x 274 x 135mm, chất liệu hợp kim nhôm: 1 cái 55.Giấy lọc, hộp 10 chiếc, đường kính 190mm: 1 cái; 56.Lưới silicone làm khô ráo và chống va đập dụng cụ phẫu thuật, cỡ chuẩn 1/1, kích thước 536 x 250 mm: 2 cái 57.Nhân nhận biết cho bộ chứa dụng cụ phẫu thuật, bằng nhôm, màu đỏ, chiều dài ngoài 56mm, chiều rộng ngoài 18mm: 2 cái	
--	--	--



Mẫu Báo giá hóa chất, vật tư y tế của Trung tâm Y tế quận Thanh Khê
(Đính kèm thư mời chào giá ngày tháng năm 2023)
CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

TÊN ĐƠN VỊ CUNG CẤP

Địa chỉ:

Email:

Số điện thoại liên hệ:

BÁO GIÁ

Đà Nẵng, ngày.....tháng....năm 2023

Kính gửi: Trung tâm Y tế quận Thanh Khê

Địa chỉ: K62/32 Hà Huy Tập, Thanh Khê Đông, Thanh Khê, Đà Nẵng

Trên cơ sở yêu cầu báo giá của.... [ghi rõ tên của Chi đầu tư yêu cầu báo giá], chúng tôi....[ghi tên, địa chỉ của hãng sản xuất, nhà cung cấp; trường hợp nhiều hãng sản xuất, nhà cung cấp cùng tham gia trong một báo giá (gọi chung là liên danh) thì ghi rõ tên, địa chỉ của các thành viên liên danh] báo giá cho các thiết bị y tế như sau:

1. Báo giá cho các thiết bị y tế và dịch vụ liên quan:

STT	Danh mục hóa chất, vật tư y tế ⁽²⁾	Ký, mã, nhãn hiệu, model, hãng sản xuất ⁽³⁾	Mã HS ⁽⁴⁾	Năm sản xuất ⁽⁵⁾	Xuất xứ ⁽⁶⁾	Số lượng/khối lượng ⁽⁷⁾	Đơn vị	Đơn giá ⁽⁸⁾ (VND)	Chi phí cho các dịch vụ liên quan ⁽⁹⁾ (VND)	Thuế, lệ phí (nếu có) ⁽¹⁰⁾ (VND)	Thành tiền ⁽¹¹⁾ (VND)
1											



